

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 277/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25/6/2025

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Nhu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Dung.

Bà Mai Thị Thảo.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 234/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 282/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 309/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn Q**; sinh năm 1978;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: KDC M, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

Người được anh Q ủy quyền về việc giao, nhận văn bản: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962; địa chỉ: KDC M, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1985;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: KDC M phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú hiện nay: Nhật Bản.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị Q1**, sinh năm 1965; địa chỉ: Đ, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương.

(Các đương sự vắng mặt và đều đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương ngày 28/3/2016. Quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc. Do điều kiện kinh tế khó khăn, năm 2018 anh đi lao động tại Đài Loan đến năm 2024 thì về nước. Khoảng năm 2019 - 2020, chị D đi lao động tại Nhật Bản đến nay chưa về nước. Vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi từ năm 2018, thời gian đầu vợ chồng còn liên lạc với nhau, sau đó không quan tâm và không liên lạc với nhau nữa. Anh chị nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Gia đình hai bên đã lựa lời khuyên giải nhưng mâu thuẫn không được giải quyết. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Nhật H, sinh ngày 19/6/2018, hiện con đang ở với bà Nguyễn Thị Q1 là mẹ đẻ chị D. Do anh và chị D đều đang lao động ở nước ngoài, con Nguyễn Nhật H đang ở với bà Q1 ổn định nên anh đề nghị giao con cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 3.000.000đ/tháng cho đến khi con trưởng thành và nhất trí để bà Q1 thay chị D chăm sóc con chung cho đến khi chị D về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện anh đang lao động tại Đài Loan nên anh ủy quyền cho anh Nguyễn Văn T thay anh giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Do anh Q không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị D nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình chị D. Bà Nguyễn Thị Q1 (là mẹ đẻ chị D) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của chị D ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên chị D vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị D biết. Chị D có quan điểm không mong muốn vợ chồng ly hôn, nhưng anh Q cương quyết xin ly hôn, chị cũng nhất trí. Chị xác định vợ chồng có 01 con chung như anh Q trình bày là đúng, chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Nhật H và đề nghị anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật cho đến khi con Nguyễn Nhật H đủ 18 tuổi, Trong thời gian chị không có mặt tại Việt Nam, chị ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Q1 chăm sóc con chung Nguyễn Nhật H cho đến khi chị về nước. Chị xác định vợ chồng

không có tài sản chung, cũng như không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bà Q1 đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nhật H cho đến khi chị D về nước.

Người được anh Q ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông nhất trí nhận ủy quyền của anh Q, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, ông đã thông báo cho anh Q biết, anh Q vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn Q ly hôn chị Nguyễn Thị D; về con chung: Giao con chung Nguyễn Nhật H cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của anh Q cấp dưỡng tiền nuôi cháu H cùng chị D là 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Anh Q phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q và bị đơn chị Nguyễn Thị D có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại KDC M, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Hiện anh Q đang lao động tại Đài Loan, chị D đang lao động tại Nhật Bản. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Q không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị D. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình chị D cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Q1 là mẹ đẻ chị D để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh Q và chị D, đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Bà Q1 vẫn liên lạc với chị D và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh Q và chị D. Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt và đều có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1

Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương ngày 28/3/2016 là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của các đương sự, có đủ cơ sở xác định trong quá trình chung sống, anh Q và chị D đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng sống xa nhau trong thời gian dài, không liên lạc và không quan tâm đến nhau nên tình cảm lạnh nhạt dần. Nay anh Q có đơn xin ly hôn, chị D cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Q và chị D đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Q, xử cho anh Q ly hôn chị D.

[4] Về quan hệ con chung: Con chung của anh Q và chị D là cháu Nguyễn Nhật H, hiện đang ở với bà ngoại là bà Nguyễn Thị Q1. Anh Q và chị D thống nhất giao con chung Nguyễn Nhật H cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên; anh Q tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị D là 3.000.000đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử thấy sự thỏa thuận của anh Q và chị D là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần giao con chung Nguyễn Nhật H cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Q cấp dưỡng nuôi con cùng chị D là 3.000.000đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Trong thời gian chị D không có mặt ở Việt Nam, tạm giao cháu Nguyễn Nhật H cho bà Q1 chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị D về nước.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Q, chị D cùng xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Văn Q phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Q, xử cho anh Nguyễn Văn Q ly hôn chị Nguyễn Thị D.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Nhật H, sinh ngày 19/6/2018 từ tháng 6/2025 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị D là 3.000.000đồng/tháng, thời gian tính từ tháng 6/2025 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Trong thời gian chị D ở nước ngoài, tạm giao cháu Nguyễn Nhật H cho bà Nguyễn Thị Q1 chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị D về nước.

Anh Nguyễn Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi chị D có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà anh Q không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con; đối trừ với số tiền tạm ứng án phí anh Q đã nộp là 300.000đồng, theo biên lai thu số 0001828 ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, anh Q còn phải nộp 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày; bà Nguyễn Thị Q1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Thái Học, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Hương Nhu